TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2022
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-DS ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1988. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh P, sinh năm 1983. (Vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Năm 2008 chị T và anh P cưới nhau; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/12/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách; anh P không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, mỗi khi nói tới thì vợ chồng cự cãi. Vì không chịu được nữa nên chị T bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay. Từ đó mỗi người sống một nơi, anh P dẫn con đi làm. Hiện nay tình cảm vợ

chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 01 người con chung là K, sinh ngày 11/5/2009, hiện tại đang sống chung anh P; chị T thống nhất giao con cho anh P nuôi. Chị T trình bày anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T không yêu cầu vấn đề gì khác.

- *Bị đơn anh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2010 anh P và chị T đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị T được ly hôn với anh P.

[3] Anh chị có một người con chung là K, sinh ngày 11/5/2009, đang được anh P nuôi dưỡng, chị T đồng ý giao con cho anh P tiếp tục nuôi. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, cháu K được anh P nuôi dạy tốt, chị T thống nhất tiếp tục giao cháu K cho anh P nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Các đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng; chị T trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P. Chị T được ly hôn với anh P.

2- Về con chung: Giao K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005394 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận